TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT
Ngày 03 - 4 - 2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vì Thị Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt.

Ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT-TC ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Duy L. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Trung T1. Địa chỉ: Tổ x, phường C1, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị T2. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Ngô Thị H1. Địa chỉ: Tổ x, phường C1, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Đào Duy L là nguyên đơn và bà Phạm Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Duy L trình bày:

Ông là cán bộ của Công ty lương thực huyện T. Ngày 08/3/1986, ông có làm đơn đề nghị Công ty cấp cho một thửa đất diện tích 900m^2, nằm phía sau kho lương thực C, địa chỉ: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La, thửa đất có chiều dài giáp đường Quốc lộ 6 là 30m, chiều sâu tính từ mặt đường vào trong núi là 30m.

Ngày 17/3/1986, Công ty lương thực huyện T đồng ý cho ông một thửa đất, lãnh đạo Công ty đã ký và đóng dấu xác nhận vào đơn đề nghị của ông với nội dung: "*Cơ quan đồng ý cho anh Đào Duy L làm nhà đất ở gần kho C nhưng phải cách xa kho 2,0m*". Tuy nhiên, do chưa có điều kiện và chưa có nhu cầu sử dụng nên ông chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa sử dụng thửa đất này.

Ông Lương Văn T3 là cán bộ của Công ty và cũng được Công ty cho một thửa đất nằm ở trước cửa kho lương thực C, hướng về T. Khoảng năm 2002 - 2003, ông cho ông T3 mượn thửa đất được Công ty cấp cho theo văn bản nêu trên và chỉ để lại một phần thửa đất có chiều dài giáp đường Quốc lộ 6 là 30m, chiều sâu tính từ mặt đường vào trong núi là 05m, liền kề với thửa đất ông cho ông T3 mượn. Thửa đất này hiện nay gia đình ông vẫn đang quản lý, sử dụng.

Quá trình canh tác, ông T3 đã phát cỏ và trồng cây cà phê trên diện tích đất mượn của ông. Khi chuyển vào miền Nam sinh sống, ông T3 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của mình và thửa đất mượn của ông cho ông Vũ Trung T1. Hiện nay, ông T1 đã bán toàn bộ phần diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng của ông T3. Đối với thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần đất ông T3 mượn của ông trước đây), kết quả xác minh từ bản, đến xã, đến huyện đều xác định thửa đất này không nằm trong phần diện tích đất ông T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông T3 sử dụng và trồng cây cà phê trên đất là do được ông cho mượn đất.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Trung T1 phải trả lại cho ông toàn bộ 900m^2 đất nằm phía sau Kho lương thực C mà ông được Công ty lương thực huyện T cấp cho từ năm 1986.

Bị đơn ông Vũ Trung T1 trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do anh chị kết nghĩa của ông là ông Lương Văn T3 và bà Mai Thị V tự khai phá. Đến năm 2009, ông T3 và bà V chuyển vào miền Nam sinh sống đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất ở và đất vườn cho gia đình ông theo Giấy chuyển nhượng đất ở lập ngày 01/02/2008, có xác nhận của đại diện Ban Quản lý Hợp tác xã H và Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. Gia đình ông đã ở và sử dụng diện tích đất vườn để trồng trọt đến năm 2016 thì chuyển về thành phố S, tỉnh Sơn La sinh sống.

Đối với 1.400m^2 đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lương Văn T3 (phần đất nằm phía trước kho lương thực), gia đình ông đã

chuyển nhượng hợp pháp cho gia đình bà Nguyễn Thị T4, ông Phạm Thành Đ và ông Nguyễn Văn Q.

Đối với phần diện tích đất vườn nằm phía sau kho lương thực (phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đang tranh chấp): Đây là phần đất gia đình ông nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Lương Văn T3 và bà Mai Thị V nên ông đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2: Bà là vợ của ông Đào Duy L, bà không có yêu cầu độc lập và tham gia tố tụng với ông L. Bà đồng ý với các ý kiến trình bày của ông L và đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H1: Bà là vợ của ông Vũ Trung T1, bà không có yêu cầu độc lập và tham gia tố tụng với ông T1. Bà đồng ý với các ý kiến trình bày của ông T1 và đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L.

Ý kiến của ông Lương Văn T3, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận:

Ông nhận quyết định lên công tác và làm thủ kho lương thực tại xã C thay cho ông Đào Duy L từ năm 1984. Vợ chồng ông đã tự khai phá thửa đất phía sau kho, ranh giới từ Quốc lộ 6 tới giáp đất nhà ông Đ1, chạy xuống giáp ranh đất nhà ông S1 để trồng cây nhãn, mận hậu và cà phê từ năm 1984 cho đến năm 2008 không có ai thắc mắc và tranh chấp gì.

Đến cuối năm 2008, trước khi chuyển vào miền Nam sinh sống, ông đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất đã khai hoang phía sau kho lương thực cho em kết nghĩa là ông Vũ Trung T1. Ông khẳng định không có việc gia đình ông Đào Duy L khai phá và cho ông mượn thửa đất đang tranh chấp như ý kiến của ông L. Trên thực tế, gia đình ông L chỉ khai phá và sử dụng phần diện tích đất nằm trên hành lang giao thông, giáp với thửa đất gia đình ông đã khai phá. Đây là phần đất gia đình ông chừa ra để tránh trâu bò vào phá hoa màu ở phía trong.

Do đó, ông cho rằng yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L về việc buộc ông Vũ Trung T1 phải trả lại thửa đất đang tranh chấp là không có căn cứ.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La với ông Nguyễn Anh T4 - Phó Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm Sơn La xác định:

Công ty chỉ có 1.290m^2 đất tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La được cấp theo Quyết định số 550 ngày 24/3/1998 và đã bị thu hồi để giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T quản lý theo Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Phần đất mà ông Đào Duy L và ông Vũ Trung T1 đang tranh chấp không thuộc diện tích đất của Công ty. Đối với xác nhận ngày 17/3/1986, Công ty chỉ cho ông L mượn đất để làm nhà và trồng cây ngắn ngày. Công ty không có

quyền giao đất cho ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Áp dụng Điều 238; Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Quyết định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; Điều 16 Luật Đất đai năm 1987; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 169, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L đối với ông Vũ Trung T1 về việc tranh chấp quyền sử dụng 590m^2 đất tại bản H, xã C, huyên T, tỉnh Sơn La. Tứ cận đối với diện tích đất như sau:

Phía Đông giáp đường Quốc lộ 6, dài 19,8m.

Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Trọng T5 dài 30m.

Phía Tây giáp đất ông Vũ Trung T1, dài 19,6m.

Phía Nam giáp kho lương thực C, dài 30m.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đào Duy L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (năm triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện T theo biên bản giao nhận tiền ngày 08/8/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2017, ông Đào Duy L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 10/2017/DS-PT ngày 11/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/01/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La thụ lý để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La xác định tổng diện tích đất đang tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L là 582m^2. Tài sản trên đất đang tranh chấp là

340 cây cà phê cho quả trên 10 năm, các đương sự thỏa thuận giá là 25.000đ/01 cây, 340 cây có giá là 8.500.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04/10/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La quyết định:

Áp dụng Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; Điều 18 Luật Đất đai năm 1987; điểm e khoản 1 Điều 6 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Duy L đối với bị đơn là ông Vũ Trung T1 về việc: Yêu cầu đòi lại quyền sử dụng 582m^2 đất tại bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2018.

Về chi phí tố tụng khác: Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Buộc ông Đào Duy L chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 02 lần với tổng số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng do ông L đã nộp theo biên bản giao nhận tiền tại Tòa án ngày 08/8/2017 và phiếu thu ngày 15/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2018, ông Đào Duy L là nguyên đơn và bà Phạm Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xem xét toàn diện vụ án; nội dung bản án sơ thẩm không phản ánh đúng bản chất sự việc, làm sai lệch các thông tin và chứng cứ do các đương sự cung cấp dẫn đến quyết định của bản án không đúng với thực tế khách quan; xử lý chi phí tố tụng không thuyết phục, không phân tích các khoản chi trong quá trình thu thập chứng cứ.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người kháng cáo ông Đào Duy L: Thửa đất đang tranh chấp là của Công ty lương thực T cấp cho ông từ năm 1986. Việc cấp đất được thực hiện đúng quy định của pháp luật, có xác nhận của lãnh đạo và đóng dấu của Công ty. Do đó, ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Vũ Trung T1 phải trả lại cho ông thửa đất đang tranh chấp tại bản H, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La.

Ý kiến của người kháng cáo bà Phạm Thị T2: Nhất trí với ý kiến của ông Đào Duy L, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Ý kiến của ông Vũ Trung T1: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông Lương Văn T3 và bà Mai Thị V khai phá sau đó chuyển nhượng lại cho ông. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định của

pháp luật. Do đó, ông đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông Đào Duy L.

Ý kiến của bà Ngô Thị H1: Nhất trí với ý kiến của ông Vũ Trung T1, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Duy L và bà Phạm Thị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đào Duy L và bà Phạm Thị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quyền sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Duy L căn cứ vào nội dung xác nhận của Công ty lương thực huyện T (trực tiếp là của ông D) vào Đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 08/3/1986 của ông là: "*Cơ quan đồng ý cho anh Đào Duy L làm nhà đất ở gần kho C nhưng phải cách xa kho 2,0m*" để xác định việc ông được Công ty cấp đất và có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất đang tranh chấp kể từ ngày 17/3/1986.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại mục 1, 2 và 3, phần I Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thì thẩm quyền giao đất đối với diện tích đất đang có tranh chấp tại thời điểm năm 1986 là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty lương thực huyện T không có thẩm quyền giao đất nên việc ông Đào Duy L cho rằng ông được Công ty cấp đất và có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất đang tranh chấp từ năm 1986 là không có căn cứ.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ngoài tài liệu, chứng cứ nêu trên, ông Đào Duy L không xuất trình được một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất và các tài liệu, chứng cứ khác theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở xác định ông L có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất đang tranh chấp.

[2] Về quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp:

Ông Đào Duy L cho rằng gia đình ông đã canh tác và sử dụng ổn định thửa đất đang tranh chấp từ năm 1986 đến năm 2002 thì cho ông Lương Văn T3 mượn để trồng cây cà phê. Tuy nhiên, ông T3 không thừa nhận và xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do gia đình ông tự khai phá từ năm 1984, đến năm 2002 thì bắt đầu trồng cây cà phê và sau đó chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất ở và đất vườn cho ông Vũ Trung T1.

Xét nội dung trình bày về quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp của ông L và ông T3 không thống nhất; ông L cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hay sự kiện pháp lý để chứng minh việc cho ông T3 mượn đất hoặc đã khai báo và đăng ký đất theo quy định tại mục 1, phần IV Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ.

Mặt khác, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm xác định trên thửa đất đang tranh chấp hiện có 340 cây cà phê cho thu hoạch trên 10 năm, quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Duy L xác nhận đây là số cây cà phê do ông T3 trồng nên có cơ sở xác định ông L đã không sử dụng thửa đất đang tranh chấp từ khoảng năm 2002 - 2003 cho đến nay.

[3] Về chi phí tố tụng: Vụ án đã qua hai lần giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thanh toán chi phí tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do các yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L không được chấp nhận và giữa các đương sự không có thỏa thuận khác nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đào Duy L phải chịu toàn bộ chi phí xác minh và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền 8.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông Đào Duy L và bà Phạm Thị T2 về việc xử lý chi phí tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm là không có cơ sở.

[4] Từ sự phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy L là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Duy L và bà Phạm Thị T2 về việc buộc ông Vũ Trung T1 phải trả lại thửa đất đang tranh chấp nêu trên.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đào Duy L và bà Phạm Thị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Duy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La như sau:

1. Áp dụng Quyết định số 201-CP ngày 01 tháng 7 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ; Điều 18 Luật Đất đai năm 1987; điểm e khoản 1 Điều 6 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2017 của ông Đào Duy L về việc buộc ông Vũ Trung T1 phải trả lại 900m^2 đất nằm phía sau Kho lương thực C.

2. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Ông Đào Duy L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 02 lần với tổng số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng do ông L đã nộp theo biên bản giao nhận tiền tại Tòa án ngày 08/8/2017 và phiếu thu ngày 15/6/2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí sơ thẩm: Ông Đào Duy L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 03401 ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sơn La.

Án phí phúc thẩm: Ông Đào Duy L và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001469 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03/4/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vì Thị Sơn